

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 523/QĐ-THCS.NT

Gò Vấp, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý 4 năm 2022 của
Trường THCS Nguyễn Trãi**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả thu chi ngân sách quý 4 năm 2022 của Trường THCS Nguyễn Trãi;
- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Nguyễn Trãi;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý 4 năm 2022 của Trường THCS Nguyễn Trãi (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính Trường THCS Nguyễn Trãi thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Đức

Tên đơn vị: **TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**
Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2022
(Dùng cho đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2021	Ước thực hiện quý 4 năm 2022	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	1	2	3			
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.597.400.000	10.040.000	2.120.520.000		
1	Số thu phí, lệ phí	2.597.400.000	10.040.000	2.120.520.000		
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	2.597.400.000	10.040.000	2.120.520.000		
	- Học phí	2.597.400.000	10.040.000	2.120.520.000	81,6%	21120,7%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.558.440.000	19.886.500	348.827.962		
2.1	Chi sự nghiệp (Học phí)	1.558.440.000	19.886.500	348.827.962	22,4%	1754,1%
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước cấp	13.731.489.560	7.296.523.400	8.921.122.359		
1	Chi quản lý hành chính	13.731.489.560	7.296.523.400	8.921.122.359	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.473.676.980	7.175.474.617	4.317.002.668		
	Trong đó: 10% thực hiện tiết kiệm CCTL (nguồn 14)	227.200.000				
	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21tr lên 1,49tr (nguồn 14)					
	Cấp bù học phí theo NQ 25 (nguồn 14)	1.022.400.000				
	Kinh phí Nghị quyết 03					
1	Chi cho người lao động	10.689.096.980	5.531.394.182	4.239.216.798		
	Mục 6000- tiền lương	6.081.307.597	1.563.948.705	1.659.026.152	27,3%	106,1%
	Mục 6050- lương công nhật	424.320.000	106.080.000	74.880.000	17,6%	70,6%
	Mục 6100 - phụ cấp lương (PCCV, PCUĐ,PCTN, Khác)	2.523.567.108	741.568.593	926.137.409	36,7%	124,9%
	Mục 6200- Tiền thưởng	49.500.000			0,0%	
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	36.000.000		1.566.022	4,4%	
	Mục 6300- Các khoản đóng góp	1.574.402.275	441.212.186	509.840.523	32,4%	115,6%
	Mục 6400- Các khoản thanh toán cá nhân		2.678.584.698	1.067.766.692		39,9%
2	Chi về hàng hóa, dịch vụ	1.484.980.000	85.517.788	69.940.870		
	Mục 6500 - Dịch vụ công cộng	360.000.000	27.204.676		0,0%	0,0%
	Mục 6550 - Vật tư văn phòng	96.000.000	6.479.000	2.730.000	2,8%	42,1%
	Mục 6600 - Thông tin liên lạc	14.400.000	12.020.000	4.365.665	30,3%	36,3%
	Mục 6700 - Công tác khoán phí	30.000.000	7.500.000	7.500.000	25,0%	100,0%
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn		20.314.112	8.756.001		43,1%
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	984.580.000	12.000.000	46.589.204	4,7%	388,2%
3	Chi sửa chữa, mua sắm TSCĐ thường xuyên	50.000.000	6.600.000	7.845.000		
	Mục 6900 - Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	25.000.000	6.600.000	7.845.000	31,4%	118,9%
	Mục 9050 - Mua sắm TS phục vụ chuyên môn	25.000.000			0,0%	
4	Chi khác	-	1.551.962.647	-		
	Mục 7750- Chi khác		1.551.962.647			0,0%
	Mục 7950 - Chi lập quỹ					
	Mục 8000 - Hỗ trợ giải quyết việc làm					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	257.812.580	121.048.783	4.604.119.691		
	Mục 6100 - phụ cấp lương (PCCV, PCUĐ,PCTN, Khác)	257.812.580	111.008.783		0,0%	0,0%
	Mục 6400 - Các khoản thanh toán khác					
	Mục 6900 - Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn			3.086.489.691		
	Mục 7750- Chi khác			1.476.600.000		
	Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		10.040.000	41.030.000		408,7%

Kế toán



Nguyễn Thu Thủy

Go Váp, ngày 31 tháng 12 năm 2022
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN TRÃI
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồng Đức